

Ngữ văn 12

Chủ đề 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

A. Tri thức ngữ văn

1. Tiểu thuyết hiện đại

Tiểu thuyết: Tác phẩm tự sự quy mô lớn, thể hiện nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân.

Từ những hình thái đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng khác nhau, tùy thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa, thẩm mỹ nhất định.

Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt bước tiến lớn, trở thành thể loại chính của đời sống văn học, tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

Tiểu thuyết hiện đại: Thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa.

Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện mạo tiểu thuyết hiện đại trở nên phức tạp.

Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quá đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm lớn sau::

- + Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hóa hiện thực.
- + Nhân vật là “con người ném trái”, không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.
- + Có kết cấu nhiều tầng lớp, tuyến tính hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều bè ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.
- + Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng

2. Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực:

- Chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, miêu tả chi tiết, “như thật” những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự “tô vẽ” hay lí tưởng hóa.
- Có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các thể loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình,...
- Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tạo thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là S. Đích-ken (Ch. Dickens - Anh), H. đờ Ban-đắc (H. de Balzac - Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy - Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky - Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),...
- Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,...
- Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn - một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hóa đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

3. Nói mỉa và nghịch ngữ

Nói mỉa: -Thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

-Người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn.

-Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới những phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bủ.

-Nói mỉa chủ yếu được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mỉa có thể có nghịch ngữ.

Nghịch ngữ: -Biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

-Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

-Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.

-Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

B .Tác phẩm minh họa

Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

I. Tác giả đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

- Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939), sinh ra ở Mỹ Hào, Hưng Yên nhưng lớn lên và sinh sống tại Hà Nội.

- Cha ông là Vũ Văn Lân làm thợ điện ở Ga-ra Charles Boillot, mất sớm khi ông mới được 7 tháng tuổi.

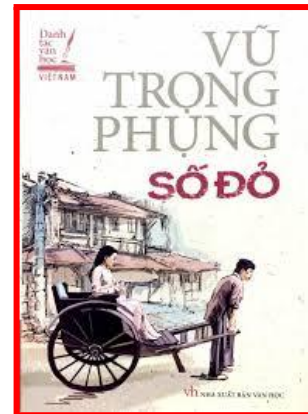
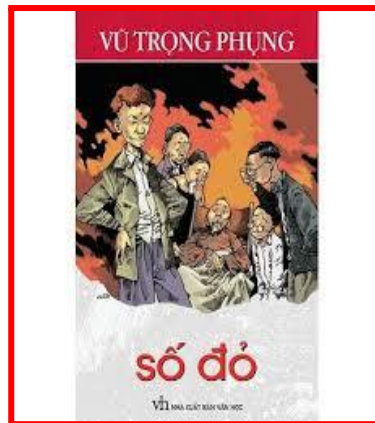
- Vũ Trọng Phụng được mẹ là bà Phạm Thị Khách ở vậy tần tảo nuôi con ăn học.

- Sau khi học hết tiểu học tại trường Hàng Vôi, Vũ Trọng Phụng phải thôi học để đi làm kiếm sống vào khoảng năm 14 tuổi.

- Ông có may mắn được hưởng thụ chế độ giáo dục mới do Toàn quyền Pháp Albert Sarraut đề xướng, miễn phí hoàn toàn trong sáu năm tiểu học, và là một trong những lứa thanh niên Việt Nam đầu tiên được giáo dục bằng tiếng Pháp và chữ Quốc Ngữ. Đó là nguyên nhân khiến ông luôn thần tượng nền văn hóa Pháp và là lớp nhà văn tích cực truyền bá văn học chữ Quốc Ngữ.

- Ông là cây bút trào phúng bậc thầy, một trong những đại biểu xuất sắc của xu hướng văn học hiện thực.

- Trong vòng chưa đầy mười năm hoạt động ở chốn trường văn trận bút, ông đã để lại một khối lượng sáng tác khá lớn, thuộc nhiều thể loại, trong đó nổi bật là phóng sự và tiểu thuyết: Cạm bẫy người (phóng sự, 1933), Kỹ nghệ lấy Tây (phóng sự, 1934), Cơm thầy cơm cô (phóng sự, 1936), Giông tố (tiểu thuyết, 1936), Số đỏ (tiểu thuyết, 1936), Vỡ đê (tiểu thuyết, 1936), Lấy nhau vì tình (tiểu thuyết, 1937), Trúng số độc đắc (tiểu thuyết, 1938),..



II. Tìm hiểu đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

1. Thể loại

- Tác phẩm Xuân Tóc Đỏ cứu quốc thuộc thể loại: tiểu thuyết.

2. Xuất xứ

- Tác phẩm được trích trong Số đỏ, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr187 – 193)

3. Phương thức biểu đạt

- Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

4. Bố cục đoạn trích

- Phần 1 (từ đầu đến "nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ."): Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt.

- Phần 2 (tiếp theo đến "các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền."): Diễn biến kịch tính của "ván quần" giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La.

- Phần 3 (phần còn lại): Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng.

5. Giá trị nội dung

- Đoạn trích đã cho thấy cách thể hiện quan điểm của tác giả thông qua nhân vật Xuân Tóc Đỏ dưới thời đại đó. Ở Vũ Trọng Phụng, ông đã phơi bày những mặt trái, mặt nhố nhăng của hiện thực luôn thường trực. Qua đó ta thấy được xã hội đương thời đầy rẫy những biểu hiện tha hoá, suy đồi, dường như vô phương cứu chữa.

6. Giá trị nghệ thuật

- Qua việc xây dựng tình huống li kì, kịch tính, Vũ Trọng Phụng đã thể hiện một cảm quan hiện thực sắc bén, khi nhận ra tính chất trò hề của những sự kiện được quảng bá rầm rộ với vô số mỉa mai.

III. Tìm hiểu chi tiết đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

1. Tình huống truyện

- Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La.

- Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh - một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời, như kíp nổ cần được tháo ngòi ngay lập tức.

- Đồng đảo khán giả đã đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ.

- Tình huống Xuân Tóc Đỏ đổi thắng thành thua hiển nhiên là tình huống cực kì phi lí, thể hiện sự cao tay của tác giả trong việc sử dụng thủ pháp phóng đại. Mặc dù nhìn bề ngoài có

về phi lí, tình huống này vẫn có cơ sở hiện thực: trong chính trị, ngoại giao, mọi động thái của các bên liên quan đều giống như một nước cờ biến ảo, khó suy đoán.

=> Qua việc xây dựng tình huống này, Vũ Trọng Phụng đã thể hiện một cảm quan hiện thực sắc bén, khi nhận ra tính chất trò hề của những sự kiện được quảng bá rầm rộ với vô số mỉa từ.

2. Nhân vật Xuân Tóc Đỏ

a. Đặc điểm nhân vật Xuân Tóc Đỏ

- Xuân Tóc Đỏ là một kẻ có "số đỏ" đặc biệt, mỗi lần rơi vào tình thế ngặt nghèo lại là một lần đạt được cơ hội "thăng tiến" khó ngờ. Chính xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân - một kẻ "hạ lưu" vô học nhưng láu cá - đã chui sâu, leo cao và đạt đến địa vị "tốt vời".

b. Bài "hùng biện" của Xuân Tóc Đỏ

- Nội dung "bài" hùng biện của Xuân và ngôn ngữ được hần sử dụng trong đó cho thấy sự lên ngôi của tư duy vớ vẩn và ngôn ngữ vớ vẩn trong các diễn ngôn của một số "đáng bậc".
- Với "bài" hùng biện của mình, không chỉ Xuân mà cả những kẻ tiếp tay cho Xuân đang thực hiện việc đánh tráo khái niệm, khi sử dụng những từ biểu đạt các giá trị thiêng liêng để gán cho hành động của Xuân một ý nghĩa đẹp đẽ.

=> Đó là một biểu hiện của việc các giá trị trong xã hội bị đánh lộn sòng.

- Ngôn ngữ trong "bài" hùng biện của Xuân chứa đầy các yếu tố đối nghịch, hội tụ ở đó các mối tương quan xã hội phức tạp, như một cuộn tơ rối. Chúng xung đột và hoà hợp với nhau một cách kì dị, phản ánh đúng bản chất kì dị của xã hội đương thời.

- Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch: nó vồ vào ngực, nó đâm tay xuống không khí, nó giơ cao tay lên, nó đập tay xuống.

=> Đây không phải là một yếu tố thuần tuý hình thức mượn từ kịch. Chính nó thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Theo ông, tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò náo nhiệt, xen lẫn bi và hài.

Nỗi buồn chiến tranh

1. Tác giả đoạn trích Nỗi buồn chiến tranh

- Bảo Ninh (1952) tên thật là Hoàng Ấu Phương, ngoài ra ông còn nhiều bút danh khác như Nhật Giang, Mã Pí Lèng,...

- Quê quán: xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Ông là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975.

+ Bảo Ninh vào bộ đội năm 1969.

+ Chiến đấu tại mặt trận B3 Tây Nguyên, tại tiểu đoàn 5, trung đoàn 24, sư đoàn 10.

+ Năm 1975, ông giải ngũ.

- Từ 1976 - 1981 học đại học ở Hà Nội, sau đó làm việc ở Viện Khoa học Việt Nam.

- Từ 1984 - 1986 học khóa 2 trường viết văn Nguyễn Du, làm việc tại báo Văn nghệ Trẻ.

- Là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ 1997.

- Bảo Ninh ra mắt công chúng bằng truyện ngắn đầu tay Trại "Bảy chú lùn" in trên tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1987.

- Ít lâu sau, cuốn tiểu thuyết đầu tay Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh xuất hiện nhưng do thị hiếu người đọc lúc bấy giờ nhà xuất bản đã đặt cho nó cái tên Thân phận của tình yêu.

- Sau Nỗi buồn chiến tranh, tác giả hầu như chỉ sáng tác truyện ngắn.

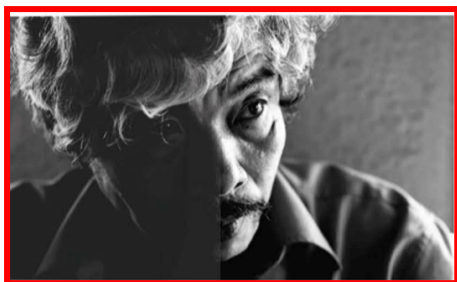
- Ngoài cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Nỗi buồn chiến tranh* (Thân phận của tình yêu) và các tập truyện ngắn, Bảo Ninh còn viết một số bài trên báo Văn nghệ trẻ bàn về sự đổi mới của văn học.

- Bảo Ninh là một nhà văn từng xông pha trận mạc nên ông rất am hiểu về chiến tranh, ông chuyên viết về đề tài về chiến tranh và muốn “văn của mình phải mang vẻ đẹp quân đội”.

Ông từng chia sẻ mình “biết nhiều câu chuyện đương thời ở Việt Nam, nhưng không viết”, nhà văn chỉ tập trung viết về quá khứ chiến trường và cái quá khứ xa hơn của nó ở Hà Nội mà ông vẫn gọi là “thành phố quê hương thứ hai của tôi”.

- Luôn đề cao cá tính sáng tạo của nhà văn. Ông cho rằng mỗi nhà văn phải đi tìm cho mình một cái gì đó thật mới, thật riêng không lẫn với người khác. Bởi thế mà khi chọn viết về đề tài chiến tranh, Bảo Ninh cũng đã có nhiều trăn trở để tìm cho mình một góc cạnh khác trên mảnh đất ấy.

- Quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. Văn Bảo Ninh đẹp, một thứ văn có phần trau chuốt và giàu sức biểu cảm, một thứ văn có nghiêng về “vị nghệ thuật”.



II. Tìm hiểu đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*

1. Thể loại

- Tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* thuộc thể loại: tiểu thuyết.

2. Xuất xứ

- Tác phẩm được trích trong *Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1991, tr89 – 92, 277 - 283)

3. Phương thức biểu đạt

- Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm.

4. Bố cục đoạn trích

- Phần 1 (từ đầu đến trí tưởng tượng): Trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên - dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt.

- Phần 2 (phần còn lại): Những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” bộn bề mà Kiên bỏ lại.

5. Giá trị nội dung

- Qua đoạn trích, ta thấy rằng ý nghĩa của sự nhớ lại là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. Những kỉ niệm về những người mình yêu quý, những trải nghiệm đáng nhớ và những thành tựu đã đạt được đều là những điểm sáng tạo nên màu sắc và ý nghĩa của cuộc sống. Nhớ lại quá khứ cũng là một nguồn động viên và sức mạnh khi ta đối mặt với những khó khăn.

6. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng ngôi kể thứ ba xen lẫn ngôi kể thứ nhất, nvật trong đoạn trích gần như không có "hành động bên ngoài" mà chỉ có "hành động bên trong".

III. Tìm hiểu chi tiết đoạn trích Nỗi buồn chiến tranh

1. Nhân vật Kiên

- Nhân vật Kiên hiện lên là một người mang chồng chất những nỗi đau, cả ở quá khứ và cả ở hiện tại, vậy nhưng Kiên đã lựa chọn nhớ lại và viết về câu chuyện quá khứ để phục sinh về tinh thần.
- Như nhân vật "tôi" đã nói sau khi đọc số bản thảo tưởng như lộn xộn, khó hiểu của Kiên sau đó chúng ta mới biết rằng đó chính là "niềm cảm hứng, niềm lạc quan quay ngược về quá khứ". Nơi quá khứ đó tưởng như đau đớn nhưng lại chan chứa tình người, ngày son trẻ, trong trắng và chân thành
- Trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên chính là trạng thái mơ màng, đắm chiều, âu sầu.
- Những từ ngữ được tác giả sử dụng để miêu tả tâm lí đó: giạt mình; hồn xiêu phách lạc, ý thức mờ mịt, lú lẫn, mê mẩn; cô quạnh, âu sầu;...
- Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh hiện lên với "khuôn mặt" đau khổ, tàn khốc.
- "Khuôn mặt" tàn khốc không phải là là khuôn mặt duy nhất trong chiến tranh. Vì đâu thể khẳng định rằng chiến tranh chỉ ngập tràn đau thương, cũng sẽ có lúc tình yêu thương thay thế, cũng có lúc niềm yêu đời, lạc quan xuất hiện như trong những tác phẩm: Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật.

2. Nhận xét bản thảo của nhân vật Kiên

- "Lúc đầu không thể hiểu nổi, vì bản thảo quá lộn xộn, không theo trật tự nào cả nhưng sau đó anh đã hiểu ra và nhận định "khá cuốn hút"."
 - Những nhận xét trên có thể liên tưởng tới các cuốn tiểu thuyết hiện đại: tiểu thuyết hiện đại có thể không cần bắt buộc theo trình tự thời gian mà có thể là kể về hiện tại trước rồi mới vòng về quá khứ rồi lại quay lại hiện tại. Việc sắp xếp trên dựa vào tâm lí nhân vật và dụng ý của người sáng tác.
- => "Nỗi buồn chiến tranh" nói về một vấn đề rộng, phản ánh lên mức độ nguy hiểm, sát thương cho chính con người trong thời chiến và sau thời chiến. Đó là nỗi đau không chỉ xuất hiện nơi thể xác mà còn in hằn ở tâm hồn. Do đó lựa chọn tiểu thuyết sẽ là phù hợp nhất, với quy mô rộng và khả năng chứa nội dung thì chỉ tiểu thuyết mới có thể giúp nhà văn giải bày những dụng ý nghệ thuật trong tác phẩm.